

Bản án số: **166/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 24/6/2024

*“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thành

Ông Nguyễn Hồng Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Tôn Trọng Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân Anh - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 24/6/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 294/2023/TLST-HNGĐ ngày 31/10/2023 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/4/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24/5/2024 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

* **Bị đơn:** Anh Nguyễn Đình K, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú cuối cùng của anh K tại Việt Nam: Thôn V, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Anh K hiện đang ở nước ngoài không rõ địa chỉ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đình K kết hôn với nhau ngày 19/5/2011, việc kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và anh chị đã đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện L. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên thời gian qua vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng,

nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và đã chính thức ly thân từ cuối năm 2018 đến nay. Từ đó anh **K** không còn quan tâm gì đến vợ con và vợ chồng đã không còn quan tâm gì đến nhau và không còn liên lạc gì với nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh **Nguyễn Đình K** được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu **Nguyễn Thị Hải Y**, sinh ngày 03/9/2012 và cháu **Nguyễn Đình K1**, sinh ngày 24/01/2014. Hiện nay cả hai cháu đều đang ở cùng chị tại Bắc Ninh. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh **K** phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ chung: không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này.

* Bị đơn là anh **Nguyễn Đình K** hiện đang ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với anh **K** đến nay Tòa án không nhận được thông tin của anh **K**.

Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua mẹ đẻ của anh **K** là bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1964; địa chỉ: **thôn V, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang**, bà có ý kiến trình bày như sau: bà là mẹ đẻ của anh **Nguyễn Đình K**, anh **K** hiện đang ở nước ngoài, bà vẫn liên hệ với anh **K** qua điện thoại nhưng không biết địa chỉ của anh **K** ở nước ngoài. Về việc ly hôn của vợ chồng **Hương K2** thì anh **K2** không trao đổi gì với bà, bà không đại diện cho anh **K2** để quyết định vấn đề này được.

* Tòa án đã làm việc với cháu **Nguyễn Thị Hải Y** và cháu **Nguyễn Đình K1** thì các cháu có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, chị **H** xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh **K2** vắng mặt không có lý do và không có quan điểm gì trình bày. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 1, 2 Điều 479 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Đình K.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Hải Y và cháu Nguyễn Đình K1 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Về việc cấp dưỡng không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, trách nhiệm nuôi con chung với anh Nguyễn Đình K. Bị đơn anh Nguyễn Đình K có hộ khẩu tại tỉnh Bắc Giang và hiện đang nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Căn cứ công văn số: 20260/QLXNC-P3 ngày 04/8/2023 của Cục Q - Bộ C thì anh Nguyễn Đình K đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 10/02/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn anh Nguyễn Đình K được xác định là đang ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh K đã được Tòa án triệu Nguyễn Thị M là mẹ đẻ của anh K xác định hiện anh K đang ở nước ngoài nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể của anh K ở nước ngoài để cung cấp cho Tòa án. Tòa án đã niêm yết tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh K theo quy định tại khoản 5 Điều 177; Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đình K kết hôn với nhau ngày 19/5/2011 tại UBND xã V, huyện L, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn với anh K. Xem xét đơn khởi kiện của chị H, HĐXX thấy: chị H xác định hiện nay vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và đã sống ly thân với nhau, không liên lạc với nhau. Anh K hiện đang ở nước ngoài vợ chồng xa cách, chị H xác định không còn tình cảm. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **H**, xử cho chị **H** được ly hôn với anh **K**.

[4]. Về con chung: chị **H** và anh **K** có 02 con chung là cháu **Nguyễn Thị Hải Y**, sinh ngày 03/9/2012 và cháu **Nguyễn Đình K1**, sinh ngày 24/01/2014 hiện đang ở cùng với chị **H** tại Bắc Ninh và các cháu có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ. Anh **K** hiện đang ở nước ngoài không có địa chỉ nên không đủ điều kiện nuôi con. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao cho chị **H** được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu **Y** và cháu **K1**.

Về cấp dưỡng nuôi con chung chị **H** không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh **K** không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): chị **H** không đề nghị nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị **Nguyễn Thị H** phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 238; Điều 271; Điều 273, khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị H**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị H** được ly hôn anh **Nguyễn Đình K**.

2. Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Thị Hải Y**, sinh ngày 03/9/2012 và **Nguyễn Đình K1**, sinh ngày 24/01/2014 cho chị **Nguyễn Thị H** trực tiếp nuôi

dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh **K** không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị H** phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0014533 ngày 25/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam.

4. Về quyền kháng cáo:

- Anh **Nguyễn Đình K** hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Chị **Nguyễn Thị H** cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND xã Vũ Xá, huyện Lục Nam;
- Công thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Hải Hường

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN -
CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hồng Phương Hoàng Văn Thành

Hoàng Thị Hải Hương